

Bản án số: 59/2024/DS- ST

Ngày: 16/8/2024

V/v: “Tranh chấp HĐ mua bán tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ
2. Ông Phan Thành Phước

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1178/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Văn C, sinh năm 1959; Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Phan Văn D, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Trương Thị N, sinh năm 1964 và Mai Văn K, sinh năm 1962; Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tất cả đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2024 của ông Huỳnh Văn C, cũng như trong quá trình tố tụng anh Phan Văn D là người đại diện theo uỷ quyền của ông C trình bày:

Năm 2010 ông C với bà N, ông K có thỏa thuận miệng mua bán thức ăn chăn nuôi heo, mục đích chăn nuôi heo là để phát triển kinh tế gia đình. Thỏa thuận bao heo ra chuồng là khoảng 04 đến 05 tháng sẽ thanh toán tất nợ. Đến ngày 10 tháng 4 năm 2012 bà N và ông K ngừng mua thức ăn và còn thiếu lại ông C số tiền là 91.518.000 đồng, nhưng sau đó bà N và ông K có trả cho ông C nhiều lần với tổng số tiền là 60.018.000 đồng. Nay ông C yêu cầu ông K và bà N liên đới trả số tiền thức ăn còn thiếu là 31.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Trương Thị N và ông Mai Văn K vắng mặt tại phiên tòa cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2024 của ông Huỳnh Văn C thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Xác định ông Huỳnh Văn C là nguyên đơn, bà Trương Thị N và ông Mai Văn K là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Bà Trương Thị N và ông Mai Văn K có nơi cư trú tại xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho bà N và ông K đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng bà N và ông K vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho cho bà N và ông K đến để tham gia phiên tòa nhưng cho bà N và ông K vắng mặt không rõ lý do, đồng thời trong quá trình tố tụng anh D cũng có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K, bà N và anh D là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ông Huỳnh Văn C yêu cầu bà Trương Thị N và ông Mai Văn K liên đới trả cho ông C số tiền 31.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 24/7/2018 ông C khởi kiện yêu cầu bà N và ông K trả số tiền thức ăn còn thiếu là 91.518.000 đồng, nhưng sau đó các bên tự thỏa thuận nên ông C rút đơn khởi kiện. Đến ngày 29/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc ban hành Quyết định đình chỉ vụ án số 34/2018/QĐST-DS. Theo biên bản hòa giải ngày

13/8/2018 bà N và ông K trình bày như sau “Bà N và ông K thừa nhận bà N trực tiếp ký tên xác nhận số tiền thức ăn còn thiếu ông C là 91.518.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền nợ này là của chị Mai Thị Ngọc Trinh và anh Trịnh Văn Triết là con gái và con rể của ông bà mua thức ăn của ông C nhưng chăn nuôi heo tại nhà bà. Do chị Trinh và anh C đi làm ít có nhà nên bà N có nhận thức ăn từ ông C giao, bà N chăn nuôi heo và trả tiền thức ăn cho ông C thay cho chị Trinh”.

Như vậy, bà N và ông Khoái thừa nhận chữ ký và chữ viết xác nhận nợ với ông C là do bà N ký đồng thời trong quá trình tố tụng Tòa án triệu tập bà N và ông K nhiều lần nhưng bà N và ông K không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trương Thị N và ông Mai Văn K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 31.500.000 đồng $\times 5\% = 1.575.000$ đồng do vi phạm nghĩa vụ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn C, cụ thể tuyên:

Buộc bà Trương Thị N và ông Mai Văn K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn C tổng số tiền thức ăn còn thiếu là 31.500.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trương Thị N và ông Mai Văn K phải liên đới chịu là 1.575.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (8b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm